

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04/6/2021
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thúy và bà Lê Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Long- Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 04/6/2021, tại phòng xét xử, Toà án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 204/2020/TLST-HNGĐ ngày 17/11/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1996; Đăng ký hộ khẩu: Thôn L, xã YK, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1984; Nơi cư trú cuối cùng: Thôn L, xã YK, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương; Bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tuyên bố mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2020/QĐST-VDS ngày 26/10/2020 (vắng mặt).

3. Người làm chứng:

- Ông Phạm Văn Nh, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn L, YK, huyện G, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Hn, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn- Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Phạm Văn T vào ngày 14/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã G nay là xã YK, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau ngày cưới, vợ chồng sinh sống cùng nhà với bố mẹ anh T tại thôn L, xã YK, huyện Gia Lộc được khoảng một tháng thì chuyển ra ngoài làm ăn, có thời gian về sống cùng nhà với bố mẹ chị ở

thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương. Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2016, anh T thường đi chơi qua đêm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Bố mẹ hai bên đã động viên, phân tích cho hai vợ chồng nhưng anh T vẫn không thay đổi. Tháng 7/2016, anh T bỏ nhà đi và không quay trở về với mẹ con chị nữa. Sau đó, chị tìm hiểu biết anh T vào tỉnh Vĩnh Long (không biết địa chỉ cụ thể), chị cũng đi vào đó tìm gặp nói chuyện với anh T. Hai bên thống nhất nếu không ở được với nhau thì ly hôn rồi chị về quê nhưng cũng từ đó chị không còn liên lạc được với anh T nữa và cũng không tìm thấy anh T ở đâu. Ngày 26/10/2020, anh T bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về con chung: Chị và anh T có một con chung là Phạm Anh M, sinh ngày 08/9/2015. Cháu M đang do chị H nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị không đề nghị giải quyết.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã YK và Công an xã YK, huyện Gia Lộc thể hiện: Anh T và chị H kết hôn với nhau từ năm 2014 và có một con chung. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng nhà với bố mẹ anh T tại thôn L, xã YK. Trong quá trình chung sống, giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn như thế nào địa phương không rõ, chỉ biết từ năm 2016, 2017 vợ chồng anh T và con cái không còn sinh sống ở địa phương. Anh chị vẫn đăng ký hộ khẩu tại thôn L, xã YK, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Qua tìm hiểu được biết mẹ con chị H về nhà ngoại ở, còn anh T ở đâu không ai rõ. Sau đó, anh T đã bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc tuyên bố mất tích theo đơn yêu cầu của chị H. Nay chị H xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và giao con chung của anh chị là cháu Phạm Anh M, sinh ngày 08/9/2015 cho chị H nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống của cháu.

Lời khai của ông Phạm Văn Nhật là bố đẻ của anh T thể hiện: Sau khi kết hôn, chị H và anh T chung sống cùng nhà với vợ chồng ông, được một thời gian anh chị thuê nhà ở tại thị trấn G để làm ăn và sinh sống. Ông được biết do anh T, chị H vay tiền làm ăn nhưng không thuận lợi, bị thua lỗ. Năm 2016 anh chị đi vào miền Nam làm ăn và đã trả được một ít nợ. Sau đó chị H quay về sống cùng với bố mẹ đẻ còn anh T đi đâu không ai biết. Anh T không liên lạc gì với gia đình ông bà. Sau đó, anh T bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc tuyên bố mất tích theo quyết định số 01/2020/QĐST-VDS ngày 26/10/2020. Nay, chị H đề nghị được ly hôn anh T, ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Lời khai của bà Nguyễn Thị Hn là mẹ đẻ chị H xác định: Thời gian vợ chồng anh T về sống cùng nhà với vợ chồng bà, bà thấy anh chị thường xuyên xảy ra cãi nhau, lời qua tiếng lại về cách sinh hoạt H ngày. Tháng 6/2016, anh T bỏ đi chỗ khác ở, gia đình bà không biết ở đâu. Chị H đã tìm anh T nhiều nơi, nhiều lần nhưng đều không có kết quả. Anh T đã bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc tuyên bố

mất tích theo quyết định số 01/2020/QĐST-VDS ngày 26/10/2020. Nay, chị H xin ly hôn anh T, bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị.

Tại phiên tòa: Chị H khẳng định chị và anh T đã không còn sống cùng nhau từ năm 2016, anh T bỏ nhà đi không liên lạc gì với chị và gia đình, không một ai trong gia đình biết tin tức về anh T. Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc đã tuyên bố anh T mất tích theo quy định của pháp luật, nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để chị có cuộc sống ổn định và đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Chị không đề nghị giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa xác định Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết, xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H, xử cho chị H được ly hôn anh T. Về con chung: Giao cháu Phạm Anh M, sinh ngày 08/9/2015 cho chị H nuôi dưỡng đến năm 18 tuổi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Chị H chịu 300.000đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh H khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Văn T có nơi cư trú cuối cùng tại YK, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc tuyên bố mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2020/QĐST-VDS ngày 26/10/2020. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập hợp lệ anh T đến phiên tòa hai lần nhưng anh T đều vắng mặt; người làm chứng là ông Nh vắng mặt nhưng đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn, người làm chứng (ông Nh).

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh T là tự nguyện, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền (là Ủy ban nhân dân xã G nay là xã YK, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương) đăng ký kết hôn, cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh T và chị H là hợp pháp, phát sinh mối quan hệ vợ chồng kể từ ngày đăng ký kết hôn (ngày 14/5/2014). Qua lời

khai của chị H, người làm chứng và kết quả xác minh, thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử thấy sau khi kết hôn, cuộc sống chung giữa anh T, chị H nảy sinh mâu thuẫn, quan điểm bất đồng, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Tháng 7/2016, anh T bỏ đi, không về sống cùng mẹ con chị H, không liên lạc với gia đình hai bên, không một ai biết tin tức của anh T. Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2020/QĐST-VDS ngày 26/10/2020, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc đã tuyên bố anh Phạm Văn T mất tích theo quy định của pháp luật. Nay chị H xin ly hôn anh T, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh T không còn tồn tại trên thực tế, cuộc sống chung vợ chồng đã chấm dứt từ lâu, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần cho chị H ly hôn anh T là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng anh T, chị H có một con chung là Phạm Anh M, sinh ngày 08/9/2015. Hiện nay, cháu M đang do chị H nuôi dưỡng. Chị H đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con. Hội đồng xét xử thấy: Từ khi anh T bỏ đi, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, chị H là lao động tự do, có thu nhập trung bình khoảng 6.000.000đồng/tháng nên có điều kiện để nuôi con. Do vậy, cần giao con chung của anh chị cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng để cuộc sống của cháu M được ổn định, đảm bảo phát triển về mọi mặt. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết, chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; không có quan điểm của anh T nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này nếu các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229; 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- chị Nguyễn Thị Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung là cháu Phạm Anh M, sinh ngày 08/9/2015 cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi); chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Thanh H không yêu cầu anh Phạm Văn T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Phạm Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0008891 ngày 17/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn (có mặt) có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- Ủy ban nhân dân xã YK, huyện Gia Lộc để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký tên, đóng dấu)
Trịnh Thị Ngọc Mai